ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 91 /ĐHSG-TTSKDL
V/v hỗ trợ triển khai thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 23.1 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Chuyển:
ĐẾN Số: 320
Ngày: 3/2
Chuyển: 8/2/2023
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Quý cơ quan.

Lời đầu tiên, Trường Đại học Sài Gòn xin gửi tới Quý Lãnh đạo cơ quan lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe, thành công.

Trường Đại học Sài Gòn là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 478/QĐ-TTg ngày 25/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Nhà trường đang triển khai đào tạo 05 chuyên ngành trình độ tiến sĩ, 12 chuyên ngành trình độ thạc sĩ, 39 chuyên ngành trình độ đại học các hệ chính quy và vừa làm vừa học, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cả nước nói chung.

Hiện nay, Nhà trường đang tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 23.1 năm 2023 *(Thông báo đính kèm)*.

Trường Đại học Sài Gòn kính mong Quý cơ quan tạo điều kiện, hỗ trợ Nhà trường triển khai thông báo này tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại Trường.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, TTSKDL, TN.(510).

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

C.Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẾN Số: 325
Ngày: 08/01/2023
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Số: 10 /TB-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 23.1 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-ĐHSG ngày 18/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 23.1 năm 2023 như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Chuyên ngành	Mã số		TT	Chuyên ngành	Mã số
1	Toán giải tích	8460102		7	LL&PPDH bộ môn Toán	8140111
2	Quản lý giáo dục	8140114		8	Ngôn ngữ học	8229020
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201		9	Lịch sử Việt Nam	8229013
4	Quản trị kinh doanh	8340101		10	Văn học Việt Nam	8220121
5	Hóa hữu cơ	8440114		11	Khoa học máy tính	8480101
6	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119		12	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103

II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2. Hình thức đào tạo: Chính quy (theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng).

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

– Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

– Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017) quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

+ Người dự tuyển tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường Đại học Sài Gòn tổ chức và đạt kết quả tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

– Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai kèm theo Phụ lục 3, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

** Lưu ý: Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.*

– Người dự tuyển tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển; có văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng tiêu chuẩn ngoại ngữ đầu vào theo quy định và đáp ứng các quy định khác của tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển từng trường hợp cụ thể.

2. Các điều kiện khác

– Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

– Có đủ sức khỏe để học tập;

– Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

– Danh sách ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này.

– Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực (kèm theo bản chính để đối chiếu).

– Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: http://naric.edu.vn/).

– Trường Đại học Sài Gòn tiến hành thẩm định tính xác thực của các văn bằng, chứng chỉ.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

1. Môn cơ bản và môn cơ sở (thi theo hình thức tự luận, thời gian thi: 120 phút)

STT	Chuyên ngành	Môn thi tuyển sinh	
		Môn cơ bản	**Môn cơ sở**
1	Toán giải tích	Đại số	Giải tích
2	Quản lý giáo dục	Lôgic học	Giáo dục học đại cương
3	Tài chính – Ngân hàng	Toán kinh tế	Kinh tế học
4	Quản trị kinh doanh		
5	Hóa hữu cơ	Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ
6	Hóa lý thuyết và hóa lý	Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học	Hóa vô cơ – hữu cơ – phân tích
7	LL & PPDH bộ môn Toán	Đại số	Giải tích
8	Ngôn ngữ học	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương
9	Lịch sử Việt Nam		Lịch sử Việt Nam
10	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Lịch sử văn học Việt Nam
11	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở
12	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật Dân sự

2. Đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào

Theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

V. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

- Hồ sơ tuyển sinh: 120.000đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký thi và lệ phí thi/ xét tuyển: 600.000đ/1 người dự tuyển;
- Lệ phí ôn thi: 1.200.000đ/1 môn thi;
- Lệ phí ôn thi và đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: 2.400.000đ/ 1 người dự tuyển;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức:
  + Đối với Khối Khoa học Xã hội: 320.000đ/1 tín chỉ;
  + Đối với Khối Khoa học Tự nhiên: 380.000đ/1 tín chỉ.

VI. THỜI GIAN TUYỂN SINH

1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Thời hạn: đến hết ngày **21/4/2023**;
- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn (Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

2. Học bổ sung kiến thức

- Thời hạn đăng ký: đến hết ngày **17/3/2023**;
- Thời gian học: từ ngày **20/3/2023** đến ngày **09/4/2023**;
- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức học chủ yếu ngoài giờ hành chính và khi có đủ số lượng người dự tuyển đăng ký. Lịch học cụ thể của từng học phần sẽ được thông báo trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

3. Ôn thi tuyển sinh

- Thời hạn đăng ký ôn thi, đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: đến hết ngày **21/4/2023**;
- Thời gian ôn thi: từ ngày **24/4/2023** đến ngày **21/5/2023** (học chủ yếu ngoài giờ hành chính);
- Các lớp ôn thi tuyển sinh được tổ chức khi có đủ số lượng người dự tuyển đăng ký. Lịch ôn thi sẽ được thông báo trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

4. Tổ chức xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển

Dự kiến: từ ngày **24/4/2023** đến ngày **30/4/2023**.

5. Tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào, thi tuyển sinh

Dự kiến: ngày **27, 28/5/2023**.

6. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh

Dự kiến: tháng **06/2023**.

7. Thời gian khai giảng khóa học

Dự kiến: tháng **07/2023**.

VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức

Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức bao gồm:

– Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (mẫu trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học);

– Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm.

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

– Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

– Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú;

– Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học;

– Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu người dự tuyển thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

– Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

– 04 ảnh màu 3x4 chụp không quá 03 tháng (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh);

– 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển vào nơi nhận.

**** Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:***

– Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;

– Số 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

– Điện thoại cố định: **(028) 38.303.108;**

- Điện thoại di động: **0903.630.540** hoặc **0903.052.420;**
- Website: **http://dtsdh.sgu.edu.vn;**
- Email: **sdh@sgu.edu.vn.**

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, P.ĐTSĐH, TH.(20).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP

(Kèm theo Thông báo số TB-ĐHSG ngày tháng năm 2023 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Chuyên ngành Toán giải tích

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Toán học; - Sư phạm Toán học.	***Nhóm 1:*** - Toán học; - Sư phạm Toán học.
Nhóm 2: - Khoa học tính toán; - Khoa học máy tính; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê; - Sư phạm Toán tin; - Sư phạm Tin học; - Toán kinh tế; - Công nghệ thông tin.	***Nhóm 2:*** - Khoa học tính toán; - Khoa học máy tính; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê; - Sư phạm Toán tin; - Sư phạm Tin học; - Toán kinh tế; - Công nghệ thông tin.

2. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: Quản lý giáo dục	***Nhóm 1:*** Quản lý giáo dục
Nhóm 2: - Giáo dục học; - Các Ngành đào tạo giáo viên.	***Nhóm 2:*** - Giáo dục học; - Các Ngành đào tạo giáo viên; - Các Ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực quản trị và quản lý.

3. Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm.	***Nhóm 1:*** Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm.
Nhóm 2: Các ngành thuộc các nhóm ngành - Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Kinh tế gia đình; - Quản lý xây dựng; - Quản lý công nghiệp.	***Nhóm 2:*** Các ngành thuộc các nhóm ngành - Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Kinh tế gia đình; - Quản lý xây dựng; - Quản lý công nghiệp; - Máy tính và Công nghệ thông tin; - Du lịch, Khách sạn – nhà hàng.

4. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: Quản trị kinh doanh.	***Nhóm 1:*** Quản trị kinh doanh.
Nhóm 2: Các ngành thuộc các nhóm ngành - Kinh doanh; - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; - Kế toán - Kiểm toán; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Quản lý Công nghiệp; - Khách sạn - Nhà hàng; - Quản lý Xây dựng; - Quản lý Y tế.	***Nhóm 2:*** Các ngành thuộc các nhóm ngành - Kinh doanh; - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; - Kế toán - Kiểm toán; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Quản lý Công nghiệp; - Khách sạn - Nhà hàng; - Quản lý Xây dựng; - Quản lý Y tế.

5. Chuyên ngành Hóa hữu cơ

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Hóa học; - Sư phạm Hóa học.	*Nhóm 1:* - Hóa học; - Sư phạm Hóa học.
Nhóm 2: - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu; - Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa dược. - Sư phạm khoa học tự nhiên	*Nhóm 2:* - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu; - Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa dược. - Sư phạm khoa học tự nhiên

6. Chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Sư phạm Hóa học; - Hoá học; - Hoá dược; - Sư phạm khoa học tự nhiên; - Khoa học vật liệu.	*Nhóm 1:* - Sư phạm Hóa học; - Hoá học; - Hoá dược; - Sư phạm khoa học tự nhiên; - Khoa học vật liệu.
Nhóm 2: - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu;	*Nhóm 2:* - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu;

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
- Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa sinh.	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa sinh.

7. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Toán tin.	*Nhóm 1:* - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Toán tin.
Nhóm 2: - Toán học; - Toán ứng dụng; - Toán tin; - Toán cơ.	*Nhóm 2:* - Toán học; - Toán ứng dụng; - Toán tin; - Toán cơ.

8. Chuyên ngành Ngôn ngữ học

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn.	*Nhóm 1:* - Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn.
Nhóm 2: - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; - Văn học; - Sáng tác văn học;	*Nhóm 2:* - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; - Văn học; - Sáng tác văn học;

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
- Các ngành Sư phạm tiếng Anh/ Nga/ Pháp/ Trung Quốc/ Đức/ Nhật/ Hàn; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Nhóm ngành báo chí và truyền thông; - Quản lý nhà nước; - Tâm lí học; - Nhóm ngành khu vực học; - Nhóm ngành xuất bản - phát hành; - Nhân học.	- Các ngành Sư phạm tiếng Anh/ Nga/ Pháp/ Trung Quốc/ Đức/ Nhật/ Hàn; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Nhóm ngành báo chí và truyền thông; - Quản lý nhà nước; - Tâm lí học; - Nhóm ngành khu vực học; - Nhóm ngành xuất bản - phát hành; - Nhân học.

9. Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lí.	***Nhóm 1:*** - Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lí.
Nhóm 2: - Khảo cổ học; - Tôn giáo học; - Chủ nghĩa Xã hội Khoa học; - Văn hóa học; - Quản lí văn hóa; - Việt Nam học; - Đông Nam Á học; - Đông Phương học; - Châu Á học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Nhân học;	***Nhóm 2:*** - Khảo cổ học; - Tôn giáo học; - Chủ nghĩa Xã hội Khoa học; - Văn hóa học; - Quản lí văn hóa; - Việt Nam học; - Đông Nam Á học; - Đông Phương học; - Châu Á học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Nhân học;

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
- Dân tộc học; - Hồ Chí Minh học; - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; - Bảo tàng học; - Quản lí di sản văn hóa; - Quốc tế học.	- Dân tộc học; - Hồ Chí Minh học; - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; - Bảo tàng học; - Quản lí di sản văn hóa; - Quốc tế học.

10. Chuyên ngành Văn học Việt Nam

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn; - Văn học; - Sáng tác Văn học; - Văn học ứng dụng.	***Nhóm 1:*** - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn; - Văn học; - Sáng tác Văn học; - Văn học ứng dụng.
Nhóm 2: - Ngôn ngữ học; - Hán Nôm; - Việt Nam học; - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Triết học; - Xã hội học; - Báo chí; - Thông tin - Thư viện; - Xuất bản - Phát hành.	***Nhóm 2:*** - Ngôn ngữ học; - Hán Nôm; - Việt Nam học; - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Triết học; - Xã hội học; - Báo chí; - Thông tin - Thư viện; - Xuất bản - Phát hành.

11. Chuyên ngành Khoa học máy tính

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin; - Sư phạm tin học; - Công nghệ thông tin; - Tin học ứng dụng; - Công nghệ phần mềm; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật máy tính; - Toán – tin; - Kỹ thuật phần mềm; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Khoa học dữ liệu.	*Nhóm 1:* - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin; - Sư phạm tin học; - Công nghệ thông tin; - Tin học ứng dụng; - Công nghệ phần mềm; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật máy tính; - Toán – tin; - Kỹ thuật phần mềm; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Khoa học dữ liệu.
Nhóm 2: - Toán – tin ứng dụng; - Điện tử - tin học; - Vật lý – tin học; - Điện tử - viễn thông; - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Sư phạm Toán tin; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán cho tin học; - Thống kê; - Giải tích; - Đại số;	*Nhóm 2:* - Toán – tin ứng dụng; - Điện tử - tin học; - Vật lý – tin học; - Điện tử - viễn thông; - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Sư phạm Toán tin; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán cho tin học; - Thống kê; - Giải tích; - Đại số;

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
- Sư phạm Toán học; - Toán kinh tế; - Thống kê kinh tế.	- Sư phạm Toán học; - Toán kinh tế; - Thống kê kinh tế.

12. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Luật; - Luật dân sự và tố tụng dân sự.	***Nhóm 1:*** - Luật; - Luật dân sự và tố tụng dân sự.
Nhóm 2: - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật thương mại quốc tế; - Quản lý nhà nước; - Quản lý công; - Trinh sát an ninh; - Trinh sát cảnh sát; - Điều tra hình sự; - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.	***Nhóm 2:*** - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật thương mại quốc tế; - Quản lý nhà nước; - Quản lý công; - Trinh sát an ninh; - Trinh sát cảnh sát; - Điều tra hình sự; - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

Ghi chú:

– Các ngành phù hợp khác đối với mỗi ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp khi người dự tuyển gửi hồ sơ.

– Các ngành phù hợp Nhóm 2 phải học các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này.

PHỤ LỤC 2

CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số 7TB-ĐHSG ngày tháng năm 2023 của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Toán giải tích	Độ đo tích phân	03
		Giải tích hàm	03
		Mêtric và Tôpô	03
2	Quản lý giáo dục	Giáo dục học đại cương	03
		Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	03
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	03
3	Tài chính – Ngân hàng	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	03
		Tài chính doanh nghiệp 1	03
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
4	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	03
		Quản trị học	03
		Marketing căn bản	03
5	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ 1	03
		Hóa hữu cơ 2	03
		Các phương pháp hóa lý trong phân tích hữu cơ	03
6	Hóa lý thuyết và hóa lý	Cấu tạo chất	03
		Nhiệt động và động hoá học	03
7	LL&PPDH bộ môn Toán	Lý luận dạy học môn Toán	03
		Phương pháp dạy học môn Toán	03

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
8	Ngôn ngữ học	Ngữ âm học tiếng Việt	03
		Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	03
		Ngữ pháp Tiếng Việt	03
9	Lịch sử Việt Nam	Những vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại	03
		Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển	03
		Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử	03
10	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam trung đại	03
		Văn học Việt Nam hiện đại	03
		Lý luận văn học	03
11	Khoa học máy tính	Kỹ thuật lập trình	03
		Cơ sở dữ liệu	03
		Cấu trúc rời rạc	03
12	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Những kiến thức cơ bản của Luật Dân sự	03
		Luật Tố tụng dân sự	03

Ghi chú: Trường hợp người dự tuyển đã học các học phần có nội dung trùng với những học phần thuộc danh mục các học phần bổ sung kiến thức, có số tín chỉ phù hợp và có nhu cầu miễn học, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào bảng điểm (nộp bản sao có chứng thực, kèm theo bản chính để đối chiếu) để xem xét miễn học khi người dự tuyển đăng ký học bổ sung kiến thức.

PHỤ LỤC 3

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHSG ngày tháng năm 2023 của Trường Đại học Sài Gòn)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2